

Bản án số: 425/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyền

2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 926/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1071/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Tấn T, sinh năm 1970 (*Có mặt*);

Địa chỉ: X đường Trần Xuân Soạn, Tổ 14, Khu phố 2, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*);

Địa chỉ: 1368/52/4 đường Lê Văn Lương, Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Tấn T là nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện sống chung năm 1997, tại thời điểm đó không ai đang có vợ hoặc có chồng. Đến năm 2002 đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2002 do Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/2002.

Sau khi kết hôn ông T và bà Thúy sinh sống tại địa chỉ X đường Trần Xuân Soạn, Tổ 14, Khu phố 2, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống cũng hạnh phúc nhưng kể từ đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T và bà Thúy đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Ông T và bà Thúy đã mạnh ai người ấy sống 04 năm qua. Nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Thúy để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Trần Thảo Vy, sinh ngày 08/10/1995 (Đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường).

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định không có.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà Nguyễn Thị Bích T là bị đơn trình bày:

Bà T xác nhận tình trạng pháp lý đối với quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và nợ chung giữa bà Thúy và ông Thái là hoàn toàn đúng sự thật.

Bà T cho rằng vợ chồng bà mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác từ khoảng năm 2011, ông T hay chơi bài bạc và ăn nhậu. Do thương chồng nên bà đã nhiều lần tha thứ cho ông T và vợ chồng sống chung lại bình thường với nhau. Nhưng từ năm 2019, ông T lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân đến nay.

Nay, ông T có yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn. Vì bà muốn vợ chồng đoàn tụ để con bà có đầy đủ tình thương của cả cha và mẹ và bà còn thương ông T. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng bà có cơ hội đoàn tụ.

Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung là Trần Thảo Vy, sinh ngày 08/10/1995 (Đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường).

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Sau đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải; các văn bản tố tụng của Tòa án để bà Nguyễn Thị Bích T là bị đơn đến làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà Nguyễn Thị Bích T vẫn không có mặt mà không có lý do chính đáng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2002 do Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/2002 thì

ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Trần Tấn T xin ly hôn bà Nguyễn Thị Bích T, bà Thúy có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bích T là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải và để bà Thúy tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thúy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm bắt đầu quan hệ sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T và bà Thúy đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Ông T và bà Thúy đã sống ly thân 04 năm qua.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân của ông T và bà Thúy nhưng Tòa án không nhận được phản hồi của Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Hưng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Hội đồng xét xử xét:

Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có duy trì cuộc hôn nhân này thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hơn nữa, bà Thúy mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc chứng tỏ bà Thúy cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Trần Tấn T ly hôn bà Nguyễn Thị Bích T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà Thúy có 01 con chung Trần Thảo Vy, sinh ngày 08/10/1995 (Nữ) đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà T xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông T phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003724 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Tấn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Bích T.

-Về con chung: Ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T có 01 con chung Trần Thảo Vy, sinh ngày 08/10/1995 (Nữ) đã trưởng thành, có khả năng lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trần Tấn T và bà Nguyễn Thị Bích T xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Trần Tấn T nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Trần Tấn T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003724 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Trần Tấn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Long